TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10/8/2023
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Bà Lâm Lệ Oanh.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Hứa Quốc Cường – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 85/2023/TLST-HNGĐ ngày 29/6/2023 về việc "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1992. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, phường T, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc G, sinh năm 1994. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Rạch Núi, Xã Th, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Hoàng T trình bày: ông và bà G chung sống với nhau từ năm 2010 nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau này bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất

đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau. Hơn 01 năm nay ông bà tự ý không còn chung sống với nhau nữa và cũng không có qua lại thăm hỏi hay có mong muốn hàn gắn để về chung sống lại. Xét thấy hiện nay không còn tình cảm nên ông yêu cầu ly hôn với bà G.

Ông bà chung sống có 02 con chung là Nguyễn Thị K, giới tính nữ, sinh ngày 22/12/2011 và Nguyễn Thị H, giới tính nữ, sinh ngày 25/12/2013, hiện nay 02 con chung đang sống cùng với bà G. Ông đồng ý theo nguyện vọng của con, giao con chung cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông bà chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung, không ai nợ nên không có yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Trúc G trình bày: Bà và ông T chung sống với nhau từ năm 2010 nhưng không có đăng ký kết hôn. Hôn nhân do cha mẹ sắp đặt, mai mối và tổ chức lễ cưới, bà và ông T không có thời gian quen biết tìm hiểu yêu thương nhau. Sau khi cưới ông bà thuê nhà trọ và chung sống hạnh phúc, cho đến hơn 01 năm nay thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do ông T thường xuyên uống rượu say về ghen tuông, xảy ra gây gổ và đánh đập bà. Bà về nhà cha mẹ ruột tại xã Th sinh sống đến nay và không qua lại thăm hỏi hay mong muốn hàn gắn để về chung sống lại. Xét thấy hiện nay không còn tình cảm nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

Bà và ông T chung sống có 02 con chung là Nguyễn Thị K, giới tính nữ, sinh ngày 22/12/2011 và Nguyễn Thị H, giới tính nữ, sinh ngày 25/12/2013, hiện nay 02 con chung đang sống cùng với bà. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Bà và ông T chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung, không ai nợ ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, xét thấy ông Lê Hoàng T và bà Nguyễn Thi Trúc G chung sống với nhau từ năm 2010 nhưng không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung

sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên ông bà không còn tình cảm với nhau nữa. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận ông T và bà G là vợ chồng. Giao con chung cho bà G nuôi dưỡng và ghi nhận ý kiến bà G không yêu cầu cấp dưỡng. Ông bà không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Buộc nguyên đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn, nuôi con chung. Trong vụ án này bị đơn bà Nguyễn Thị Trúc G đang cư trú tại ấp Rạch Núi, xã Th, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông T và bà G chung sống với nhau từ năm 2010 nhưng không có đăng ký kết hôn. Hôn nhân do cha mẹ sắp đặt, mai mối và tổ chức lễ cưới, ông bà không có thời gian quen biết tìm hiểu yêu thương nhau. Ông bà chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau này bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau. Ông bà tự ý không chung sống khoảng 01 năm nay. Trong thời gian không chung sống ông bà không qua lại thăm hỏi hay có mong muốn hàn gắn để về chung sống lại. Xét thấy hiện nay cả hai đều không còn tình cảm nên ông bà thống nhất ly hôn. Do ông bà chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của ông bà không có giá trị pháp lý. Tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về thụ lý đơn yêu cầu ly hôn, khoản 2 quy định như sau "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*". Vì vậy Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận ông Lê Hoàng T và bà Nguyễn Thị Trúc G là vợ chồng.

[3] Về con chung: ông T và bà Gchung sống có 02 con chung là Nguyễn Thị K, giới tính nữ, sinh ngày 22/12/2011 và Nguyễn Thị H, giới tính nữ, sinh ngày 25/12/2013, hiện nay 02 con chung đang sống cùng với bà G. Bà yêu cầu được tiếp

tục nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Do các bên tự thỏa thuận nên Hội đòng xét xử ghi nhận, phù hợp với nguyện vọng của con chung .

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung và không ai nợ ông bà nên không yêu cầu Hội đòng xét xử giải quyết.

[5] Về án phí: Ông T khởi kiện nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lê Hoàng T và bà Nguyễn Thị Trúc G là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thị K, giới tính nữ, sinh ngày 22/12/2011 và Nguyễn Thị H, giới tính nữ, sinh ngày 25/12/2013 cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến bà G không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: ông bà trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Ông Lê Hoàng T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0001618 ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Hà Tiên, nay ông T không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KG;
- VKSND tỉnh Kiên Giang
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục THADS thành phố Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Phương

Hội thẩm nhân dân ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

Giang Phước Thành